

KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ “THẦN HỌC” ISLAM GIÁO

Tóm tắt: Theo Mai Thanh Hải (2002), thần học là hệ thống lý luận của một tôn giáo, được sắp xếp dần dần hợp lý và chu đáo, làm nền tảng tư tưởng cho giáo lý đức tin... Tùy điều kiện lịch sử và xã hội khác nhau mà nội dung cơ cấu thần học các tôn giáo khác nhau. Song, thần học nào cũng chứng minh sự tồn tại của Đấng Tối cao; các mối quan hệ của Đấng Tối cao đối với thế giới hiện thực, chứng minh tính chân lý của các tín điều, giáo lý,...¹ Khoa học nghiên cứu về thần là một bộ môn đòi hỏi người nghiên cứu phải có sự uyên thâm và kiến thức chuyên ngành sâu. Với mong muốn tìm hiểu một khía cạnh không thể thiếu đối với mỗi tôn giáo, bài viết này chỉ trình bày một cách khái lược bối cảnh dẫn đến sự xuất hiện của khoa học “thần học” Islam giáo; Những trường phái thần học và những vấn đề thần học được các trường phái quan tâm trong giai đoạn đầu của Islam giáo.

Từ khóa: Islam giáo, Kalam, lịch sử, thần học.

1. Bối cảnh dẫn đến sự xuất hiện “thần học” Islam giáo

Sau khi Nhà Tiên tri Muhammad qua đời, các cuộc tranh luận (chủ yếu là về chính trị) và tiếp theo đó là sự kiện sát hại vị Caliph thứ ba - Caliph Othman - trong cộng đồng Islam giáo năm 35 theo giáo lịch (656 Công lịch) báo hiệu sự tan vỡ hệ thống chính trị được thiết lập dưới thời Nhà Tiên tri. Nguyên nhân quan trọng là Muhammad không chỉ định người kế nhiệm rõ ràng. Dù trên thực tế không có bất cứ một Thiên sứ nào sau Muhammad nữa, nhưng không ai chắc chắn được vai trò người lãnh đạo kế tiếp Muhammad sẽ như thế nào. Các bậc trưởng lão trong cộng đồng quả quyết rằng, người đồng hành gần gũi nhất và cũng là người theo đạo sớm nhất, *Abu Bakr*, sẽ là người dẫn dắt cộng đồng sau khi Muhammad qua đời. Abu Bakr mất sau Muhammad 2 năm. Người kế tục Abu Bakr cũng là một người bạn đồng hành đáng kính khác của Muhammad, *Umar*. Trong vòng 10 năm lãnh đạo cộng đồng của Umar và

* Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

12 năm của *Uthman* - người kế tục Umar - cộng đồng Islam giáo đã vươn ra khỏi Arab và mở rộng từ bờ biển Địa Trung Hải thuộc Bắc Phi tới thảo nguyên Trung Á. Cũng trong thời gian đó, những Thiên khải mà Muhammad nhận được đã được tập hợp thành Kinh *Koran*.

Những vị lãnh đạo cộng đồng Islam giáo sau Muhammad không phải là nhà tiên tri cũng không phải là các vị hoàng đế. Thay vào đó, họ thường được gọi là Caliph (*Khalifah rasul Allah* trong ngôn ngữ Arab, “successor of the Messenger of God”²), với nghĩa là *Người đại diện* hoặc *Người được ủy nhiệm*, hàm ý, họ không cai trị bằng quyền lực của riêng họ mà chỉ là những người đại diện của Thượng đế và sứ giả của Thượng đế. Sau khi *Uthman* qua đời có sự rối loạn về việc ai sẽ là Caliph kế tiếp. Nhiều người cho rằng, tước hiệu này nên dành cho người cháu và cũng là con rể của Muhammad - Ali. Tuy nhiên, lại có những người khác ủng hộ người cháu của *Uthman*, *Muawija* - lúc đó đang cai trị Syria. Được sự cổ vũ của những người ủng hộ, cả Ali và *Muawija* đều tự tuyên bố là Caliph, và cuộc tranh chấp quyền lãnh đạo xảy ra. Trong khi đang tranh chấp thì Ali bị ám sát, do đó *Muawija* đã thành công trong việc thu tóm quyền lực cho riêng mình và gia đình, đồng thời đã đặt nền móng cho một vương triều Islam giáo đầu tiên. Vương triều này thường được gọi là vương triều *Umayyad* (tên thị tộc của *Muawija*). Ngày nay, đa số tín đồ Islam giáo sùng đạo đều thừa nhận bốn vị Caliph đầu tiên (Abu Bakr, Umar, *Uthman*, Ali) là những người *Dẫn đường xứng đáng* (rightly guides), nhưng cho rằng, với sự thiết lập vương triều *Umayyad* thì thể chế Caliph đã hết. Cho dù có đúng như vậy thì trong vòng gần 100 năm cai trị của vương triều *Umayyad*, gần như tất cả các vùng đất mà ngày nay vẫn còn được nhận ra có sự tồn tại của Islam giáo đều được chinh phục, đồng thời lãnh thổ đế quốc Islam giáo mở rộng từ Tây Ban Nha tới Pakistan.

Vì các xung đột chính trị, rất nhiều tín đồ Islam giáo lui về cuộc sống ẩn tu. Một số tự nguyện dần thân đi thuyết giáo cho dân cư ở những vùng đất mới được chinh phục. Một số khác lại dâng hiến cả cuộc đời cho việc nghiên cứu Kinh *Koran* cũng như những truyền thuyết về Muhammad và những người đồng hành với ông. Chính nhờ nỗ lực của những người như vậy, thế giới Islam giáo đã có được một kho tàng thần học, triết học rực rỡ và phong phú, đồng thời đã thu hút được nhiều cư dân ở các vùng đất khác nhau theo tôn giáo mới này.

Tuy nhiên, các cuộc đấu tranh giành quyền lãnh đạo đã biến thành chất xúc tác hàng đầu cho sự phân ly giáo phái đầu tiên trong Islam giáo,

một vấn đề còn dai dẳng cho tới ngày nay. Một nhóm cho rằng, Ali mới là người lãnh đạo hợp pháp cộng đồng Islam giáo. Những người ủng hộ quan điểm này được biết đến với cái tên *Shiiteh Ali* (phái Ali) hoặc gọi tắt là *Shi'is* (cũng có những tên gọi khác như *Shiah*, *Shiiteh*, *Shiite*. Trong bài viết này, tôi sử dụng thuật ngữ Shiite). Quan điểm Shiite nhìn nhận ba vị Caliph đầu tiên là những người chiếm đoạt. Họ đã tước đoạt quyền thế tập của Ali. Có nhiều Hadith³ củng cố cho niềm tin này. Người ta căn cứ vào những Hadith đó để khẳng định: Muhammad từng chỉ định Ali làm người lãnh đạo thay cho Muhammad trong những lúc ông vắng mặt. Bản Hadith nổi tiếng nhất minh chứng cho niềm tin trên có tên là *Ghadir Khum*. Theo truyền thuyết, trên đường quay về Medina sau chuyến thăm Mecca lần cuối cùng, Nhà Tiên tri Muhammad nắm tay Ali và tuyên bố trước đám đông rằng: *Cho những ai mà ta từng che chở, Ali là người che chở của người ấy*⁴.

Nhiều người trong giới học giả Sunni⁵ coi Hadith này là đáng tin cậy vì từ này đã xuất hiện trong bản tóm tắt của nhà thần học và luật gia *Ibn Hanbal* (các môn đệ của ông lập nên trường phái giáo luật thứ tư trong phái Sunni - trường phái Hanbali⁶). Phái Shiite coi lời nói đó của Muhammad như một sự tuyên bố công khai mà giới lãnh đạo cộng đồng còn lưu lại trong *ahl al-bayt* (gia phả). Vài Hadith khác ủng hộ cho sự quả quyết của Shiite, mặc dù họ cho rằng, những bản này do những người ủng hộ Abu Bakr và sau đó là vương triều Umayyad làm giả. Phái Shiite cũng có những sưu tầm Hadith của riêng mình, mà những Hadith này lại mâu thuẫn với cách nhìn các sự kiện của phái Sunni. Bản Hadith quan trọng nhất có tên là *Nahj al-balagha*. Bản này gồm các lời nói và những bài thuyết giáo được cho là của Ali. Nhiều đoạn ghi chép trong bản này cung cấp sự hiểu biết sâu sắc theo quan điểm của Shiite liên quan đến quyền lãnh đạo sau Muhammad, ví dụ: “Gia đình Nhà Tiên tri là nơi thần bí thiêng liêng, là nơi bảo vệ những điều răn của Nhà Tiên tri và là nơi ký thác những hiểu biết, là nơi trú ẩn cho sự thông thái, là nơi tôn nghiêm cho những cuốn kinh thánh, là pháo đài kiên cố cho tôn giáo của Người. Qua họ, Người uốn nắn những sự cường điệu bí mật (của tôn giáo), và qua họ, Người xua đi nỗi lo sợ cảnh đổ máu”⁷.

Một lý do khác mà phái Shiite đưa ra là trong khi gia đình Nhà Tiên tri bận rộn với lễ an táng Muhammad, Abu Bakr đã giành quyền lực về tay mình mà không tham khảo ý kiến Ali hay bất cứ thành viên thân cận nào khác của Muhammad. Khi qua đời, Abu Bakr chỉ định người liên

minh của ông ta, *Umar*, là người lãnh đạo cộng đồng dù hình thức kế nhiệm này hoàn toàn trái ngược với mong muốn của Muhammad. Khi Umar mất, một hội đồng được triệu tập để chọn người kế nhiệm. Trong danh sách đề cử có cả tên của Ali nhưng lại không công bằng khi đa số thành viên trong hội đồng lại là những người ủng hộ *Uthman*⁸.

Sau này, các sử gia và các nhà thần học Sunni lý giải các sự kiện có phần khác nhau. Họ cho rằng, Abu Bakr đã miễn cưỡng đảm đương công việc của người lãnh đạo, và làm như vậy vì một mục đích rõ ràng là nhằm giữ vững cộng đồng Islam giáo để vượt qua cơn khủng hoảng do cái chết của Nhà Tiên tri gây ra. Ở thời điểm đó, Abu Bakr là người xứng đáng nhất để gánh vác vị trí này vì một điều hiển nhiên ông là người cao niên và gần gũi với Muhammad. Sự lựa chọn Umar là người kế nhiệm Abu Bakr cũng được dựa trên sự thân cận tương tự với Nhà Tiên tri và dựa trên tuổi đạo. Phái Sunni không phủ nhận tuổi đạo của Ali hoặc danh tiếng về sự hiểu biết tôn giáo cũng như nhiệt huyết phụng sự Islam giáo của ông. Tuy nhiên, theo truyền thống, họ kiên quyết cho rằng, Ali còn quá trẻ vào thời điểm Muhammad và Abu Bakr qua đời để trở thành người dẫn dắt cộng đồng. Phái Shiite coi cách giải thích của phái Sunni là do chủ ý phủ nhận quyền lãnh đạo dựa trên mối quan hệ họ hàng (đây là điểm cốt lõi đối với quan điểm của phái Shiite về người kế vị lãnh đạo cộng đồng), vì cả Abu Bakr, Umar và Uthman đều có mối quan hệ với Muhammad thông qua hôn nhân. Thế mạnh của Sunni thể hiện ở quan điểm: Chấp nhận một người lãnh đạo không mấy lý tưởng còn hơn là gây ra sự hủy diệt cộng đồng thông qua cuộc nội chiến. Thực tế, cái tên *Sunni* xuất phát từ chữ *Sunnah* và là dạng viết tắt của một mệnh đề có nghĩa là *Thần dân của Truyền thuyết và Cộng đồng* (People of Tradition and Community), ngụ ý như một sự cam kết liên quan đến chủ nghĩa ăn dật chính trị và mong ước tránh được việc phân chia bè phái bằng bất cứ giá nào.

Năm 680, al-Husayn - một người con của Ali, cố gắng giành lại ngôi vị Caliph sau khi Muawiya qua đời, nhưng không nhận được nhiều sự ủng hộ và ông bị sát hại ở Kerbela, Iraq. Phái Shiite hàng năm vẫn tổ chức tưởng nhớ sự kiện này. Năm 685, al-Mukhtar nhân danh thay mặt cho Muhammad ibn al-Hanafiyya - một người con của Ali, lãnh đạo những người Shiite khởi nghĩa ở Kufa, Iraq, nhưng hai năm sau thì thất bại. Sau thất bại của al-Mukhtar, người Shiite có vẻ như chìm lắng cho đến cuối vương triều Umayyad khi có một hoặc hai cuộc khởi nghĩa nhỏ. Đáng chú ý nhất là cuộc khởi nghĩa của Zayd - một người cháu ba đời

của Nhà Tiên tri Muhammad. Đây cũng là gốc rễ hình thành nên chi phái Zaydite trong phái Shiite. Tuy nhiên, nguyên nhân sâu xa là do sự bất đồng quan điểm về người lãnh đạo thứ năm của cộng đồng Shiite. Đa số cho rằng người cháu của al Husain - *Muhammad al-Baqir* (mất năm 733) là Imâm hợp pháp, và thiểu số cho rằng, người anh của al-Baqir - *Zayd* (mất năm 740) mới chính đáng. Vì thế, những người theo Zayd được gọi là phái Zaydite.

Các tài liệu của phái Shiite nhắc đến một loạt các vị Imâm tiếp nối Husain. Mỗi vị Imâm này đều có một người con trai kế tục. Lần lượt các Imâm thứ tư, thứ năm và thứ sáu là Ali Zayn-al-Abidin (mất năm 714), Muhammad al-Baqir (mất năm 733) và Ja'far as-Sadiq (mất năm 765). Ở thời điểm này, phái Shiite dường như chưa có sự định hình nhất định và phải kết hợp với những người có quan điểm khác nhau. Sau khi Imâm thứ sáu, Ja'far as-Sadiq, qua đời năm 765, phái Shiite lại có sự phân rẽ. Một nhóm quả quyết rằng, Isma'il (con của Ja'far as-Sadiq) là Imâm thứ bảy hợp pháp cho dù sự thật là Isma'il đã mất trước cả Ja'far as-Sadiq. Nhóm ủng hộ quan điểm này kiên quyết cho rằng, Ja'far đã chỉ định Isma'il là người kế tục và họ tôn phù con trai của Isma'il - *Muhammad Ibn Isma'il* - là Imâm thứ tám, và dòng dõi Imâm tiếp tục với người đó. Nhóm này dần dần xây dựng được một lực lượng mạnh và đến năm 909 họ giành được quyền kiểm soát vùng Ifriquiyya (Tunisia ngày nay) từ tay vương triều Abbasid. Những người lãnh đạo của nhóm này nổi danh với việc xây dựng nên vương triều Fatimid ở Bắc Phi. Năm 969, họ chinh phục Ai Cập, xây dựng thành phố Cairo thành đại bản doanh và duy trì quyền lực ở đó cho đến năm 1171. Sau khi bị người Sunni đánh đuổi khỏi Ai Cập, nhóm này tiếp tục tồn tại ở nhiều nơi trong vùng Arab và Iran. Đến khi người Mông Cổ xâm chiếm Trung Đông ở thế kỷ XIII thì hầu hết nhóm này di chuyển đến Ấn Độ. Hiện nay, phần lớn tín đồ của nhóm này đi theo Aga Khan - người được coi là có huyết thống theo dòng kế tục Imâm không bị ngắt quãng. Nhìn chung, chi phái Shiite này được biết đến với cái tên Isma'ilite, nhưng đôi khi cũng được gọi là phái Bảy Imâm (*the Seveners* hoặc theo tiếng Arab là *Sab'iyya*) vì họ tách ra từ thời điểm khởi đầu vị Imâm thứ bảy.

Những người Shiite không ủng hộ Isma'il cho rằng, vị Imâm đích thực sau Ja'far as-Sadiq là Musa (mất năm 799), em trai Isma'il. Vị Imâm thứ tám là Ali ar-Rida (mất năm 818), con trai Musa. Caliph al-Ma'mun của vương triều Abbasid cố gắng thu hút sự ủng hộ của phái Shiite bằng cách

đặt Ali ar-Rida là người kế vị, nhưng trước khi thành hiện thực thì Ali ar-Rida chết một cách bí hiểm. Sau sự kiện này, phái Shiite nói chung dần định hình rõ ràng hơn. Vị Imâm thứ mười một là al-Hassan al-Askari mất vào (hoặc khoảng) năm 874 và Imâm thứ mười hai là con trai ông - Muhammad al-Qa'im⁹. Sau khi Muhammad al-Qa'im mất tích, giới lãnh đạo Shiite tuyên bố: Muhammad al-Qa'im đi vào tình trạng ẩn thân. Việc tuyên bố như vậy có dụng ý những tín đồ Islam giáo bình thường không thể tiếp xúc được với vị Imâm này dù ông vẫn có những người đại diện (wakil). Tuy nhiên, khi người đại diện thứ tư qua đời năm 940 thì không có thêm người nào được chỉ định là người đại diện nữa và từ thời điểm này trở đi cho đến hiện nay được coi là giai đoạn Đại Ẩn thân vì người Shiite cho rằng, cuộc sống của Imâm thứ mười hai được kéo dài một cách kỳ diệu và vị Imâm đó sẽ trở lại vào một thời điểm thích hợp để tạo lập mọi thứ đúng trật tự. Chi phái Shiite này nổi tiếng với tên gọi phái Imâm, nhưng đôi khi cũng được gọi là phái Mười hai Imâm (*the Twelvers*, hoặc theo tiếng Arab là *Ithna Ashariyya*) vì giáo thuyết của phái về 12 Imâm, hoặc đơn giản hơn nữa là phái Shiite vì đây là chi phái lớn nhất. Hiện nay, phái này có số lượng tín đồ nhiều hơn phái Zaydite và phái Isma'ilite, nhưng cả ba chi phái gộp lại cũng chỉ bằng 1/10 tổng số tín đồ Islam giáo¹⁰.

Ngoài những người đi tiên phong cho việc hình thành phái Shiite sau này thì trong đội quân của Ali cũng còn những người “ly khai” khác và hình thành nên phái Kharijite (Kharijite hoặc Khawârij)¹¹. Một trong những tư tưởng cơ bản của phái là nếu một tín đồ Islam giáo phạm phải trọng tội thì người đó không còn là thành viên của cộng đồng Islam giáo nữa. Cơ sở cho tư tưởng này là, cộng đồng tín đồ Islam giáo là thần dân nơi Thiên đường trong khi những người phạm trọng tội sẽ bị đày tới nơi Địa ngục và nếu có liên quan đến người phạm trọng tội thì sẽ làm tổn hại tới tương lai của những người được tới Thiên đường.

Chính bối cảnh tranh luận về quyền lãnh đạo hợp thức nêu trên làm chia rẽ cộng đồng Islam giáo đã dẫn đến sự xuất hiện của “thần học” Islam giáo. Ngôn từ Arab dùng để biểu đạt “thần học” là *Ilm al-Kalam* (sau đây gọi tắt là Kalam). Thuật ngữ *Ilm al-Kalam* (nghĩa đen là “khoa học tranh luận”) bao hàm nghĩa môn đồ tư tưởng Islam giáo thường đề cập tới khía cạnh “thần học” hoặc “triết học kinh viện”. Từ góc độ lịch sử, điều này dẫn tới những tranh luận về bản chất ngôn từ của Thượng đế, đó là liệu những ngôn từ này có phải đã sẵn có nơi Thượng đế, hoặc Kinh

Koran là ngôn từ của Thượng đế tạo lập hay không được tạo lập. Những tranh luận này dẫn tới định nghĩa thứ hai về Kalam: thần học kinh viện tự biện. Khoa học Thần học (ilm al-Kalam) trở thành một trong những môn khoa học của Islam giáo. Kalam khác với Falsafah (triết học) ngay cả khi các chủ đề tranh luận và nội dung có vẻ như giống nhau, vì Kalam đặt Thượng đế ở vị trí trung tâm và là một phần trong nội dung đào tạo các học giả tôn giáo¹².

3. Các trường phái thần học đầu tiên

Trong khi rất khó có thể xác định thời điểm bắt đầu của môn khoa học thần học Islam giáo thì giả thuyết về nguồn gốc của Kalam có liên quan mật thiết với phái Mu'tazila - phái của những người theo chủ nghĩa duy lý xuất hiện ở đầu thế kỷ II lịch Islam giáo (thế kỷ VII Công lịch) và nổi lên ở những thế kỷ tiếp sau được tán đồng hơn cả. Thất bại của Mu'tazila trong việc duy trì uy thế chính trị và tinh thần bằng cách áp đặt các quan điểm của họ với tư cách là một học thuyết nhà nước chính thức đã làm mất uy tín của chủ nghĩa duy lý một cách trầm trọng, dẫn đến sự trỗi dậy của chủ nghĩa truyền thống và sau đó là sự xuất hiện phái Ashariyya (phái Shi'ite Mười hai Imâm) - phái cố gắng thể hiện mình là sự thỏa hiệp giữa các thái cực đối lập. Phái Ashariyya được dòng Sunni chấp nhận. Tuy nhiên, ngay trong dòng Sunna, Kalam tiếp tục bị các phái có ý thiên về truyền thống chỉ trích.

Các giai đoạn sau đó, Kalam cố gắng đồng hóa các vấn đề và các luận điểm triết học, nhưng sự thay đổi theo chiều hướng này không hoàn toàn thành công. Sự suy giảm của Kalam có vẻ như không thể tránh khỏi. Nó bị những người theo chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa truyền thống xa lánh. Mặc dù các kinh bản của Kalam tiếp tục được tranh luận và thậm chí được truyền dạy dưới một số hình thức, nhưng Kalam không còn là một bộ môn khoa học sống động ở đầu thế kỷ IX theo giáo lịch (thế kỷ XV Công lịch). Đầu thế kỷ XIX, các nhà cải cách cố gắng làm hồi sinh Kalam những vẫn chưa đem lại kết quả.

Các cuộc đấu tranh chính trị đối với việc ai là người lãnh đạo cộng đồng Muslim dẫn đến sự xuất hiện ba nhóm phái Kalam chủ yếu cạnh tranh nhau: phái Kharijite - phản đối Ali và rút khỏi thỏa ước; phái Shi'ite - ủng hộ Ali; và phái Murjite¹³ - cố gắng giữ vị trí trung lập. Những phái này cố gắng gây ảnh hưởng rộng rãi trong cộng đồng Muslim đang chịu sự chi phối của các trường phái "chính thống" chi phối, chủ yếu là những

người bảo thủ hoặc theo chủ nghĩa truyền thống, được biết đến dưới cái tên chung là *ahl al-sunna wa'l-jama'a* (những người đề xướng sự đồng thuận và truyền thống của Nhà Tiên tri Muhammad).

Đối lập với phái Kharijite là phái Shiite. Phái Shiite tin tưởng vào uy quyền không thể chối bỏ của các Imâm đã được ban chức thánh thiêng. Vị thế của Ali với tư cách là Imâm và là người kế tục Nhà Tiên tri là do Thiên khai ban cho và không phải là vấn đề quan điểm. Mỗi Imâm sau đó sẽ lựa chọn người kế tục vì quyền thánh thiêng đã ban cho Imâm đó. Giữa hai thái cực đối lập này, một số lớn các nhóm trung gian khác được ủng hộ, đáng chú ý là phái Murjite. Nhóm này phủ nhận việc quy kết thủ phạm những trọng tội, nhưng họ cũng không muốn bào chữa cho những kẻ đó, vì cho rằng, vấn đề này nên để cho Thượng đế phán xử ở kiếp sau. Phái Murjite cũng đi theo con đường trung lập chính trị và có ẩn ý ủng hộ sự nguyên trạng.

Trong khi ba phái trên có căn gốc từ chính trị, chấp nhận những tranh luận thần học để ủng hộ cho sự thận trọng chính trị thì cũng có những phái khởi nguồn từ thần học. Phái đầu tiên là *Qadariyya*: nghĩa là người đề xướng *qadar*, hoặc có nghĩa là Thuyết Tiền định, nhưng ủng hộ tuyệt đối sự tự do ý chí. Theo họ, Thượng đế không ép buộc con người phải hành động ngay thẳng nếu như con người không có quyền lựa chọn các hành động của họ. Qadariyya cho rằng, con người có khả năng đặc biệt qua những hành động hoàn thành sứ mệnh và có kết quả hợp lý từ những hành động đó. Xuất phát từ niềm tin vào khả năng hoặc tính quả quyết (*qudra*) của con người mà phái Qadariyya có tên như vậy. Bởi con người hoàn toàn tự do hành động, và những hành động của họ là sự phản chiếu trung thực niềm tin có ở trong họ, cho nên bất cứ người nào phạm phải trọng tội thì không phải là tín đồ Islam giáo.

Hoàn toàn đối lập với Qadariyya là phái *Jabriyya*: nghĩa là tin vào Thuyết Tiền định. Phái Jabriyya cho rằng, sự cưỡng ép mang tính thần thánh (*Jabr*) tạo nên hành động của con người, và rằng con người hoàn toàn không có sự tự do thực hiện các hành động tốt, xấu. Vì Thượng đế là nguồn dẫn trực tiếp cho tất cả mọi hành động nên con người không thể chịu trách nhiệm vì phạm phải trọng tội, và bởi thế vẫn được coi là tín đồ Islam giáo. Đại biểu cho phái này là Jahm ibn Safwan, mất năm 128 theo giáo lịch/746 Công lịch). Safwan cho rằng, không một thuộc tính nào có thể xác nhận về Thượng đế ngoại trừ thuộc tính Sáng tạo, Quyền năng và Hành động vì bất cứ thuộc tính nào chỉ tạo vật đều không thích hợp để

mô tả Đấng Sáng tạo. Vì Thượng đế là Đấng Hành động và Sáng tạo duy nhất nên những hành động của con người cũng là do Thượng đế gây ra. Bởi vậy, con người không kiểm soát được những hành động của họ và cũng không có tự do ý chí. Safwan cũng cho rằng, vì Thượng đế không thể được mô tả như người ta nói nên Kinh *Koran* cũng không thể được cho là những lời nói của Ngài, trừ cảm giác là do Ngài tạo lập.

Những trường phái nói trên rất hay thay đổi cả về thành viên lẫn giáo thuyết. Với ngoại lệ phái Shiite sau đó phát triển thành những chi phái có kết cấu chặt chẽ, những phái còn lại như đã nêu trên hoặc là dần phai nhạt hoặc là hòa vào các khuynh hướng khác. Việc xuất hiện những bài diễn thuyết có hệ thống phải chờ đến sự xuất hiện của phái *Mu'tazila*. Đặc điểm của *Mu'tazila* là giới tăng lữ và chủ nghĩa duy lý. *Mu'tazila* cố gắng hệ thống hóa các giáo thuyết thành một giản đồ hợp lý đặt trọng tâm vào việc xác nhận tính duy nhất cũng như sự phán xét tuyệt đối của Thượng đế.

Trong vòng 40 năm giữa thế kỷ IX Công lịch, *Mu'tazila* có vai trò như trường phái thần học chính thức trong thế giới Sunni (trong thời gian đầu của vương triều Abbasid). Nhiều học giả tôn giáo bị ngược đãi nếu niềm tin của họ không phù hợp với niềm tin của *Mu'tazila*. Nhưng khi bị thất sủng thì người ta coi *Mu'tazila* là những kẻ dị giáo, đồng thời *Mu'tazila* trở thành vật tế thần cho sự phân biệt đối xử và ngược đãi. Tuy nhiên, giai đoạn "dị giáo" này cũng thực sự tạo ra một lợi ích. Đó là sự chính thức hóa tư tưởng Islam giáo. Trường phái *Mu'tazila* sau đó được thay thế bằng trường phái *Ash'ariya*. Trường phái này được đặt theo tên học giả *al-Ash'ari* (mất năm 935) - một nhà thần học *Mu'tazila* võ mộng.

3. Các vấn đề được tranh luận trong Kalam

Nhiều vấn đề quan trọng mà giới thần học đầu tiên trong thế giới Islam giáo tranh luận nảy sinh từ những cuộc khủng hoảng chính trị sau các vụ sát hại Caliph Umar, Uthman và Ali, cũng như nảy sinh từ các cuộc nội chiến đưa đến sự phân ly giáo phái Sunni - Shiite. Những vấn đề chủ yếu được tranh luận đầu tiên trong Kalam liên quan đến việc ai là người lãnh đạo hợp pháp của cộng đồng; Thân phận của tín đồ dính líu vào tội ác nghiêm trọng ra sao (bởi vì những kẻ sát hại các Caliph đầu tiên đều là tín đồ Islam). Những vấn đề chủ yếu được tranh cãi cũng còn liên quan đến mối quan hệ giữa quyền vận năng của Thượng đế với trách nhiệm của con người, từ đó dẫn tới những cuộc tranh luận có tính chất lý

thuyết hơn về bản chất của Thượng đế và về việc làm thế nào mà con người có khả năng phân biệt cái đúng, cái sai cũng như hành động nào tốt, hành động nào xấu.

Vấn đề đầu tiên phân rẽ cộng đồng Muslim thành những phái đối lập là vấn đề quyền lực chính trị và tính hợp pháp của nó. Hầu hết các trường phái “chính thống” và những người theo chủ nghĩa truyền thống thừa nhận việc bầu chọn bốn vị Caliph đầu tiên là có tính quy chuẩn, vì vậy khẳng định người cai trị giành được tính hợp pháp bằng cách do các trí thức của cộng đồng bầu chọn một cách tự do. Phái Kharijite thừa nhận tiến trình bầu vị Caliph thứ ba, nhưng bổ sung thêm rằng ngay cả một Caliph được bầu chọn cũng có thể bị bãi chức nếu xa rời sự ủy trị về quyền lực. Phái Kharijite cũng cho rằng, bất cứ cá nhân nào có đủ phẩm chất đáp ứng các yêu cầu của Caliph cũng sẽ trở thành Caliph nếu được phần lớn cộng đồng chấp thuận. Những người theo chủ nghĩa truyền thống bó hẹp phạm vi bầu chọn trong bộ lạc của Nhà Tiên tri Muhammad - bộ lạc Quraysh, trong khi phái Shiite chỉ khoanh vào gia đình của Nhà Tiên tri, đặc biệt là gia đình người con rể và hậu duệ. Phái Shiite lập luận rằng, quyền lãnh đạo chính trị, là thể chế tôn giáo quan trọng nhất, không thể để cho lý lẽ của con người quyết định.

Vấn đề thứ hai được tranh luận trong Kalam là vị thế của những người phạm trọng tội. Đối lập với quan điểm chính thống, phái Kharijite cho rằng, bất cứ ai phạm phải trọng tội thì đương nhiên không phải là tín đồ, bởi vậy phải bị tước bỏ mọi quyền lợi và sự bảo hộ theo giáo luật. Phái Murjite lại khước từ việc phán xử trong khi có khuynh hướng mở rộng việc diễn giải ai là người có đủ tư cách làm tín đồ. Từ đó cho rằng, người phạm trọng tội ở vị trí trung gian, không phải là tín đồ Islam giáo cũng không phải là người không có niềm tin.

Vấn đề thứ ba là tự do ý chí. Phái Mu'tazila và Qadariyya đều ủng hộ sự tự do ý chí. Họ cho rằng, con người là những chủ thể hành động, vì nếu không như vậy thì Thượng đế sẽ phạm phải sự không công bằng nghiêm trọng nếu Ngài trừng phạt những người không có sự lựa chọn việc họ làm. Ở một thái cực khác, phái Jabriyya cho rằng, dù muốn hay không, con người không thể kiểm soát được các hành động của mình, bởi Thượng đế là Đấng Sáng tạo và Hành động Duy nhất. Hầu hết các nhóm cố gắng làm cân bằng hai thái cực trên. Phái Shiite có khuynh hướng xác nhận tự do ý chí, chỉ riêng chi phái Zaydite hoàn toàn tán đồng với phái Mu'tazila về vấn đề này. Tuy nhiên, các chi phái Shiite khác khẳng định

rõ quan điểm của họ bằng cách khẳng định con người buộc phải làm như vậy vì một chuỗi hệ quả do các hành động của con người gây ra. Phái Kharijite chấp nhận tư tưởng của thuyết tiền định, cho rằng Thượng đế là người tạo ra các hành động của con người, và chẳng có việc gì xảy ra mà không phải do ý muốn của Ngài.

Đây cũng là quan điểm chủ đạo của các phái “chính thống” và theo chủ nghĩa truyền thống. Họ thừa nhận ý muốn của Thượng đế là tối cao và rằng, Thượng đế là người tạo ra hành động của con người, dù đó là việc thiện hay việc ác; chẳng có việc gì diễn ra trên trái đất này mâu thuẫn với ý muốn của Thượng đế. Luận điểm này về sau được thể hiện rõ hơn trong quan điểm của nhà thần học al-Ash'ari.

Vấn đề thứ tư được tranh luận trong Kalam là vấn đề thuộc tính thánh thiêng. Phái Jabriyya sử dụng thuộc tính duy nhất của Thượng đế để phủ nhận sự tồn tại của tự do ý chí. Phái Mu'tazila phát triển thêm luận điểm này, cho rằng Thượng đế không thể có các thuộc tính thêm vào bản chất của Ngài, vì điều này sẽ có nghĩa là có vô số các thực thể vĩnh hằng. Những người thuộc phái Mu'tazila thế hệ sau như Abu'l-Hudhay al-'Allaf (mất năm 227 theo giáo lịch/842 Công lịch) bổ sung: các thuộc tính thiêng đồng nhất với bản chất thiêng. Sự hiểu biết của Thượng đế không phải là một thuộc tính thêm vào bản chất của Ngài mà là đồng nhất với bản chất đó.

Những nhà thần học đầu tiên của phái Shiite đối lập với phái Mu'tazila, khẳng định tính nội tại trong không gian của Thượng đế và phủ nhận tính bất biến cũng như tính siêu việt về không gian và thời gian của Thượng đế. Họ cho rằng, ý muốn của Thượng đế cũng có thể biến đổi, và gán sự biến đổi đó với Thượng đế. Thượng đế cũng có thể có chỗ sai lầm và có thể cảm nhận bằng giác quan. Sự hiểu biết và ý muốn của Thượng đế không thể là cái vĩnh hằng, vì điều này sẽ phủ nhận tự do của con người và tạo ra trách nhiệm giải trình không cần thiết. Điều đó cũng ngụ ý sự tồn tại vĩnh hằng của sự vật. Các nhà thần học phái Shiite thế hệ sau, đặc biệt là chi phái Zaydite, bác bỏ hầu hết các thuyết hữu hình của bậc tiền bối, và đi theo quan điểm của phái Mu'tazila.

Những người theo chủ nghĩa truyền thống (bao gồm cả phái Mười hai Imâm) khẳng định tính xác thực các thuộc tính vĩnh hằng của Thượng đế, những thuộc tính mà họ cho rằng không đồng nhất mà cũng chẳng khác biệt với bản chất của Thượng đế. Họ quả quyết những cảm giác hữu hình

được Kinh *Koran* nhắc tới, chẳng hạn như gương mặt, đôi tay, đôi mắt của Thượng đế, không thể nhận biết được.

Liên quan đến vấn đề các thuộc tính thánh thần là vấn đề tạo lập Kinh *Koran*. Mu'tazila phủ nhận những lời của Thượng đế là vĩnh hằng và khẳng định Kinh *Koran* phải được tạo lập. Quan điểm này cũng được Kharijite chấp nhận. Tuy nhiên, đa số những người theo chủ nghĩa truyền thống (và cả phái Mười hai Imâm) phản đối quan điểm trên vì họ cho rằng không thể coi lời nói của Thượng đế như được tạo lập vì điều đó có nghĩa là Thượng đế khó tránh khỏi trạng thái thay đổi. Ngôi Lời là một trong những thuộc tính vĩnh hằng của Thượng đế, và Kinh *Koran*, đương nhiên là ngôn từ của Thượng đế, không thể nói là được tạo lập hay không tạo lập. Một số nhà thần học Shiite thế hệ đầu, đặc biệt là Hisham ibn al-Hakam (mất năm 200 giáo lịch/816 Công lịch) đưa ra cách giải thích rắc rối hơn. Ông cho rằng, Kinh *Koran* không thể được coi là do con người tạo nên, được tạo lập hay không tạo lập, vì một thuộc tính dù muốn hay không cũng không thể có một tính từ khác xác nhận về tính từ ấy. Tương tự, không thể nói về các thuộc tính của Thượng đế là vĩnh hằng hoặc ngẫu nhiên.

Ngoài những chủ đề chính nêu trên, Kalam cũng đụng đến những vấn đề khác, chẳng hạn như liệu có thể nhìn thấy Thượng đế ở kiếp sau hay không? (Mu'tazila cho là không thể, trong khi các phái khác khẳng định viễn cảnh hạnh phúc); Liệu Hỏa ngục và Thiên đường có tồn tại mãi mãi không? Sau đó là về vấn đề bản chất của những hạn chế sự hiểu biết, ý muốn và quyền năng của Thượng đế. Bắt đầu với nhà triết học Allaf, một vài chủ đề triết học được đưa vào Kalam, đặc biệt là trong việc tranh luận các vấn đề bản chất và phân loại sự hiểu biết với bản chất sự vận động, vật thể và đồ vật. Thậm chí là tiến tới tranh luận các vấn đề thuộc về các môn khoa học khác, như sinh vật học, tâm lý học và hóa học, v.v... Tuy nhiên, sự mở rộng phạm vi của Kalam diễn ra đồng thời với sự suy giảm của Kalam.

Sự suy tàn của Kalam khởi nguồn nhanh chóng từ thế kỷ V (thế kỷ XI Công lịch). Ibn Khaldun, một nhà thần học phái Ashariyya lúc đó rất lấy làm tiếc về việc Kalam suy giảm giá trị, có sự xáo trộn với triết học và trở thành điều không cần thiết. Tuy nhiên, các vấn đề của Kalam không hoàn toàn hợp nhất với triết học vì sự suy giảm của nó dẫn tới sự ra đời của hệ thống triết học với cấu trúc hoàn toàn của riêng nó. Sự tiến triển theo hướng này bị gián đoạn bởi một số yếu tố. Trước hết, có sự rạn nứt

giữa Kalam với tư cách là một nguyên tắc với quy tắc của triết học. Nguyên nhân một phần là do sự suy giảm của phái Mu'tazila. Thêm vào đó là cố gắng không thành công của Mu'tazila trong việc đưa ra tiếng nói chung với các đối thủ, vì vậy biến Kalam thành một thứ theo đuổi bề phải hơn là một nguyên tắc và được các triết gia sao chép lại. Sự tôn kính có vẻ như tôn giáo do các triết gia Muslim phô bày đối với các văn bản Hy Lạp khiến họ trở thành lạc lõng với tư tưởng chính thống, vì khiến họ có cách cư xử giống như một giáo phái khác. Điều này làm hạn chế sự tương tác giữa Kalam và triết học, vì mỗi loại xử lý các nguyên tắc cơ bản và văn cảnh của nó khác với những luận điểm mà bản thân nó đặt ra.

Kalam cũng bị suy yếu do các khuynh hướng ủng hộ những người theo chủ nghĩa truyền thống. Khó có thể làm cho tương thích bài diễn thuyết hùng hồn của những người theo chủ nghĩa duy lý với lập trường quan điểm của những người theo chủ nghĩa truyền thống - những người đã làm nản lòng việc nghi ngờ ở nhiều lĩnh vực then chốt và thậm chí còn khuyên bảo chấp nhận những trái ngược hiển nhiên. Ở tầng bậc khác, sự trỗi dậy của những người theo chủ nghĩa truyền thống dưới sự dẫn dắt của nhà thần học Ahmad ibn Hanbal và tiếp theo đó là sự trở lại của Ibn Taymiyya¹⁴ cùng các môn đệ là sự chống lại Kalam, vì không những không chấp nhận những luận điểm của nó mà còn bác bỏ những phương pháp của Kalam. Cuộc ganh đua giữa các học giả của phái Ashariyya và phái Maturidi từ thế kỷ V đến thế kỷ VIII theo giáo lịch (thế kỷ XI - XV Công lịch) không có khả năng ngăn chặn xu thế này và làm hồi sinh Kalam. Cuối cùng, bổ sung vào ảnh hưởng của chủ nghĩa truyền thống là sự xuất hiện và phổ biến thuyết thần bí của Sufi. Dù đối chọi với chủ nghĩa truyền thống, Sufi cũng phản đối những người theo chủ nghĩa duy lý, đồng thời góp phần giảm dần uy thế của Kalam và triết học.

Vì những cản trở như trên, sự suy giảm của Kalam là không thể tránh khỏi. Tất cả các trường phái Kalam ban đầu dần mai một và tan vỡ, nhưng các tàn dư của họ còn được ghi dấu trong giáo thuyết của sáu trường phái giáo luật chính yếu của Islam giáo sau này.

Hai chi phái của Shiite - chi phái Ashariyya (Mười hai Imâm) và chi phái Zaydite - kế thừa một số khía cạnh về giáo thuyết và chủ nghĩa duy lý từ trường phái Mu'tazila. Bốn trường phái giáo luật của Sunni: Phái Hanafi có mối liên quan gần với trường phái Maturidi. Phái Shafi'i ủng hộ phái Ashariyya về nguyên tắc chung. Phái Maliki cũng theo đường hướng đó nhưng không mấy nhiệt thành. Phái Hanbali thiên về thuyết

hữu hình và phản đối những người theo chủ nghĩa duy lý vì không hoàn toàn tin vào Kalam¹⁵.

4. Kết luận

Với dung lượng không nhiều, thật khó có thể đưa ra sự đánh giá toàn diện về chủ đề rộng lớn này, nhưng khía cạnh cốt lõi của cuộc tranh luận về Kalam, đặc biệt là những khía cạnh được định hình trong giai đoạn kinh điển đã được phác họa một cách cơ bản để có thể hình dung về một vấn đề thiết yếu của mỗi tôn giáo nói chung và của Islam giáo nói riêng.

Dù các trường phái Kalam không cùng tồn tại với thời gian nhưng đã tạo ra cho bản thân nó một chỗ đứng trong các khoa học về tôn giáo. Thời hiện đại tạo ra cơ hội cho việc phục hưng triết học và “thần học” Islam giáo. Những người đi tiên phong trong việc phục hưng Islam giáo hiện đại, như Jamal al-Din, al Afghani và Muhammad Abdul, đã cố gắng phục hồi Kalam và triết học Islam giáo. Al Afghani khẳng định phục hưng triết học là tiền đề không thể thiếu trong công cuộc phục hưng Islam giáo. Lịch sử đã ghi dấu các chế độ mà Islam giáo đã trải qua nhưng không có gì có thể thay thế được việc hình thành thần học và thế giới quan hiện thực của Islam giáo. Những vấn đề được tranh luận trong thời kỳ đầu có thể chưa hoàn thiện nhưng cũng lại là những chỉ dẫn quan trọng cho cuộc sống. Nếu Islam giáo vẫn còn là một tôn giáo sống động thì Kalam hẳn là cần được phục hưng để cho quá trình tự hiểu mình của tín đồ Islam giáo có thể được tiếp tục sau khi bị gián đoạn khoảng 6 thế kỷ./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Mai Thanh Hải (2002), *Từ điển Tôn giáo*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội: 584.
- 2 <http://www.britannica.com/EBchecked/topic/89726/caliph>
- 3 Thuật ngữ *Hadith* thường được dịch là “truyền thống”, có nghĩa là những ghi chép về việc làm và lời nói của Muhammad và những người đồng hành đầu tiên của ông. Những ghi chép này tạo cơ sở cho giáo luật Islam giáo, cho việc diễn giải Kinh *Koran* và sự hiểu biết cũng như truyền thuyết và lịch sử Islam giáo thuở sơ khai,... Xem: Gordon D. Newby (2002), *A Concise Encyclopedia of Islam*, Oneworld publisher: 69.
- 4 Jamal J. Elias (1999), *Islam*, Rouledge Publisher, London: 23.
- 5 Theo William Montgomery Watt thì khái niệm Sunni không được định hình ngay khi có sự xuất hiện phái Shiite vì cho đến gần cuối thế kỷ X Công lịch, từ Sunni mới được nhắc đến. Xem: William Montgomery Watt (2002), *A Short History of Islam*, Oneworld Publisher, England, Reprinted: 111.
- 6 <http://infoplease.com/encyclopedia/people/ibn-hanbal-ahmad.html>
- 7 Jamal J. Elias (1999), *Islam*, sđd: 24.

- 8 Jamal J. Elias (1999), *Islam*, sđd: 28.
- 9 Vị Imâm này còn có tên gọi là Muhammad al-Mahdi. Xem: Jamal J. Elias (1999), *Islam*, Rouledge, London: 37.
- 10 William Montgomery Watt (2002), *A Short History Islam*, Oneworld, England, Reprinted: 106;
- 11 <http://www.britannica.com/EBchecked/topic/540503/Shiite>
- 12 Thuật ngữ Kharijite (nghĩa đen là nổi loạn) lúc đầu dùng để nói đến nhóm người nổi loạn chống lại sự lãnh đạo của Ali sau cuộc chiến thất bại ở Siffin (năm 37 theo giáo lịch/658 Công lịch) giữa Ali và đối thủ của ông - Muawiyah, và sau đó đi theo khuynh hướng chống quyền uy riêng biệt. Phái Kharijite không có sự lãnh đạo thống nhất và cũng không có học thuyết chắc chắn, đồng thời về cơ bản là một khuynh hướng chính trị quân sự không thỏa hiệp. Hạt nhân quan điểm của họ tập trung vào bản chất sự lãnh đạo hợp pháp và các điều kiện để cứu rỗi. Mặc dù quan điểm không thỏa hiệp của Kharijite đưa họ đến sự bại vong, nhưng quan điểm của họ cũng tác động tới một bộ phận tín đồ Islam giáo. Hầu hết các trường phái đã xuất hiện đều thực sự tán thành một hoặc nhiều khía cạnh quyết đoán của phái Kharijite, đặc biệt là trên các khía cạnh lãnh đạo hoặc "thân phận của kẻ tội đồ". Xem: Gordon D. Newby (2002), *A Concise Encyclopedia of Islam*, Oneworld: 125.
- 13 Gordon D. Newby (2002), *A Concise Encyclopedia of Islam*, Oneworld: 120 - 121.
- 14 Murjiite (Murji'ah theo tiếng Arab) có lập trường chính trị trung dung giữa phái Shiite và phái Khawarij, và phái này hình thành nên cơ sở nền tảng sự phát triển phái Sunni. Trong các cuộc tranh luận giữa Shiite và Khawarij, vấn đề trung tâm là vị thế của những người phạm phải trọng tội. Họ cho rằng việc phán xử là tùy thuộc vào Thượng đế. Đối với Abu Bakr và Umar - hai vị caliph đầu tiên, họ cho đó là những người không thể chê trách được; Còn đối với Uthman và Ali thì họ trì hoãn việc đánh giá. Murjiite cho rằng bản chất của đức tin được xác định bằng niềm tin độc lập với các hành động. Về mặt chính trị, Murjiite đại diện cho phần đông phản đối những nhóm có quan điểm cực đoan. Họ biến điều đó thành học thuyết chính trị bằng cách ủng hộ quan điểm cởi mở của các vị caliph so với Shiite những lại khắt khe với Khawarij. Học thuyết trung dung của họ trở thành thứ yếu khi chủ nghĩa truyền thống trong Sunni phát triển. Tuy nhiên, nhiều quan điểm của Murjiite trở thành giáo thuyết Sunni chính thống.
- 15 Tư tưởng của nhà thần học Ibn Taymiyyah (1263 - 1328) rất có ảnh hưởng đối với phong trào của những người theo chủ nghĩa toàn thống (strictly traditionalist movement) giữa thế kỷ XVIII - phong trào Wahhabiyyah và các phong trào cải cách muốn hoàn thiện ý thức hệ truyền thống bằng cách trở lại nguồn gốc. <http://www.britannica.com/EBchecked/topic/280847/Ibn-Taymiyyah>.
- 16 Trường phái *Shafi'i* hoạt động phổ biến ở những vùng đất Arab thuộc Trung Đông và Indonesia, còn *Hanafi* có ảnh hưởng ở Nam - Trung Á và Thổ Nhĩ Kỳ. Từ thế kỷ XVI, trường phái *Hanafi* dần thay thế *Shafi'i* với tư cách là trường phái giáo luật có ảnh hưởng nhất trong thế giới Islam giáo. Trường phái *Maliki* hoạt động mạnh nhất ở Bắc Phi và coi *Sunna* đáng tin cậy hơn lý trí của con người. Trường phái *Hanbali* hoạt động mạnh nhất ở Arab Saudi. Trường phái Hanbali rất chú trọng vào việc diễn giải chữ nghĩa trong các văn bản thành văn đến mức một số học giả Hanbali cho rằng, một Hadith không đáng tin cậy sẽ được ưa thích hơn qua sự lập luận mạnh mẽ bằng phương pháp loại suy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dominique Sourdel (2002), *Hồi giáo* (bản dịch tiếng Việt), Nxb. Thế giới, Hà Nội.
2. Nguyễn Đức, Thế Trường, Lê Yên (2002), *Islam Hồi giáo*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Gordon D. Newby (2002), *A Concise Encyclopedia of Islam*, Oneworld.
4. Gwilym Beckerlegge (2000), *The World Religions Reader*, Roughledge (the 2nd edition).
5. Mai Thanh Hải (2002), *Từ điển tôn giáo*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
6. Jamal J. Elias (1999), *Islam*, Roughledge, London.
7. Lloyd Ridgeon (edited) (2003), *Major World Religions from their origins to the present*, Routledge Curzon.
8. S.H. Nasr and O. Leaman (edited) (1996), *History of Islamic Philosophy*, London, Routledge.
9. Viện Thông tin khoa học Xã hội, *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, tập 2, Hà Nội, 1997.
10. Viện Thông tin khoa học Xã hội, *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, tập 4, Hà Nội, 2001.
11. William Montgomery Watt (2002), *Islam - A Short History*, Oneworld, Reprinted.

Abstract**AN OUTLINE OF THE HISTORY OF ISLAMIC THEOLOGY**

According to Mai Thanh Hải (2002), theology is a religion's theoretical system; gradually arranged in a reasonable and thoughtful way; an ideological foundation for dogma and faith, etc... Depending on each historical context and society that determines each religion's theological content. However, all theologies prove the existence of a Supreme being, the relationship between the Supreme being and the secular world, the truth of dogmas, etc... Scientific studies on God is a sector that requires a deep knowledge of the researcher. In order to research an important aspect of religion, this article indicates an overview of the context which led to the Science of the Islamic theology; theological schools of thought and theological questions in the early period of Islamism.

Keywords: History, Islamism, Kalam, theology.